TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:85/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 28 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Khắc Nhu.

2/ Ông Thông Văn Đá.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 247/2017/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017. Về "Tranh chấp ly hôn ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 25/8/2017; Quyết định Hoãn phiên tòa số 76/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thị T - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm A, thôn Đ , xã H , huyện H , tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Nguyễn Thanh N – Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ2, xã H , huyện H , tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/5/2017 và tại bản khai, nguyên đơn Bà Trương Thị T trình bày: Bà với ông N cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện H , tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng với gia đình

ông Nhã tại thôn Đ1, xã H, huyện H , tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, trong thời gian sống chung thì ông N thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn về kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm bà và các con. Việc này lặp đi lặp lại rất nhiều lần nên từ năm 2004 bà bỏ về nhà mẹ ruột của bà sinh sống cho đến nay. Từ ngày bà đi thì bà với ông N không còn liên lạc gì với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Theo bà được biết hiện nay ông N đã có vợ khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không còn chung sống cũng đã gần 18 năm nay, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Q – Sinh năm 1998. Hiện cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của ông N để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông N cố tình lẫn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông N vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông N . Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Ông N có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ1, xã H, huyện H . Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông N .

2/ Về nội dung: Bà T với ông N cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H , tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung

sống với nhau được gần 07 năm, trong quá trình chung sống thì do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả nhau. Ngoài ra, ông N cũng thường xuyên nhậu nhẹt vô cớ kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm bà T . Do không thể tiếp tục chung sống nên bà T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2004 cho đến nay. Từ ngày bà T đi thì ông N cũng không liên lạc gì, không quan tâm hỏi han để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh N . Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để hòa giải, nhưng ông N cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa bà T với ông N không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Q – Sinh năm 1998. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành có việc làm ổn định, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Bà T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Thanh N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T . Bà Trương Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thanh N .

2/ Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về Án Phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014432 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Nguyễn Thanh N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết